

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON HOA QUỲNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON HÒA QUÝNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Thu Hạnh	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lý Anh Đào	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thuỳ Trinh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Huỳnh Thị Kim Hoa	Bí thư chi đoàn Khối trưởng khối lá	Thư ký hội đồng	
5	Trần Thị Thu Vân	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Bích Phượng	Khối trưởng khối nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Trang Kim Hòa	Khối trưởng khối mầm	Ủy viên hội đồng	
8	Trần Lê Hoàng Anh	Khối trưởng khối chồi	Ủy viên hội đồng	
9	Phạm Hoàng Ánh Tuyết	Khối trưởng khối lá	Ủy viên hội đồng	
10	Vũ Thụy Mộng Tuyên	Tổ trưởng tổ công nhân viên	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	16
Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	18
Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	21
Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	24
Tiêu chí 1.5. Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	26
Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	29
Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	32
Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục.	34
Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	36
Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	37
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	40
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	41
Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên.	43
Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên.	46

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	49
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 3.1. Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	50
Tiêu chí 3.2. Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	53
Tiêu chí 3.3. Khối phòng hành chính - quản trị.	55
Tiêu chí 3.4. Khối phòng tổ chức ăn.	57
Tiêu chí 3.5. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	59
Tiêu chí 3.6. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	64
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ trẻ.	65
Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	70
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	71
Mở đầu	71
Tiêu chí 5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	71
Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	74
Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	77
Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục.	80
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	82
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	83
Phần IV. PHỤ LỤC	1 - 13

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X		
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	

Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Hoa Quỳnh

Tên trước đây: Trường Mầm non 1

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Gò Vấp
Xã/phường/thị trấn	Phường 1
Đạt chuẩn quốc gia	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Quyết định số 491/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.
Công lập	x
Tư thục	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thu Hạnh
Điện thoại	028.38955038
Fax	Không
Website	https://mnhoaquynhgovap.hcm.edu.vn/
Số điểm trường	02
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
Số Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	00	01
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	03	02	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	04	03	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	03	03	03	02	02
Cộng	12	11	10	08	09

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	11	10	08	09	
1	Phòng kiên cố	12	11	10	08	09	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	00	00	00	00	00	
1	Phòng kiên cố	00	00	00	00	00	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	

III	Khối phòng hành chính quản trị	08	08	08	08	08	
1	Phòng kiên cố	08	08	08	08	08	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	02	02	02	02	02	
1	Bếp	01	01	01	01	01	
2	Kho	01	01	01	01	01	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác.	02	03	04	06	05	

1	Phòng học thông minh	00	00	00	00	00	
2	Phòng đa chức năng	02	03	04	06	05	
	Cộng	24	24	24	24	24	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 10/2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	18	18	00	01	07	10	
Nhân viên	11	11	00	05	05	01	
Cộng	32	32	00	06	12	14	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	22	21	20	17	18
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	$42/4=10.5$	$53/4=13.25$	$52/4=13$	$25/3=8.3$	$56/4=14$
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	$327/18=18.1$	$285/17=16.7$	$252/16=15.8$	$195/13=15$	$232/14=16.5$

5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	03	Quận không tổ chức thi	00	Quận không tổ chức thi	02
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	369	338	304	220	288	
	- Nữ	166	171	144	130	155	
	- Dân tộc thiểu số	10	03	03	01	05	
2	Đối tượng chính sách	02	01	00	00	00	

3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	105	106	71	71	97	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	369	338	304	220	288	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	$327/10=32.7$	$285/8=35.6$	$252/8=31.5$	$195/7=27.8$	$232/7=33$	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	$42/2=21$	$53/2=26.5$	$52/2=26$	$25/1=25$	$56/2=28$	
9	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
10	-Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	20	26	25	00	27	
11	-Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	22	27	27	25	29	

12	-Trẻ em từ 3 - 4 tuổi	103	76	69	52	71	
13	-Trẻ em từ 4 - 5 tuổi	112	93	76	69	78	
14	-Trẻ em từ 5 - 6 tuổi	112	116	107	74	83	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường.

Trường Mầm non Hoa Quỳnh có hai cơ sở. Cơ sở 01 tại địa chỉ 25 Nguyễn Hồng, Phường 1, quận Gò Vấp. Cơ sở 02 tại địa chỉ 487/31 Lê Quang Định, Phường 1, quận Gò Vấp.

Trường được thành lập theo quyết định số 491/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp với tên trường là Mầm non 1. Trường Mầm non 1 được đổi tên thành Trường Mầm non Hoa Quỳnh theo quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, Ủy ban nhân dân Phường 1, nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp cùng với sự quan tâm kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Chất lượng chăm sóc giáo dục ngày càng được nâng cao. Đội ngũ cán bộ quản lý gồm hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất trình độ chính trị vững vàng, nhiệt tình trong công tác. Qua các đợt kiểm tra, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ từ khá trở lên. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên đạt chuẩn 85%, trên chuẩn 70%. Các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường đảm bảo tốt, đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non.

Tỷ lệ trẻ đạt kết quả mong đợi hàng năm trên 96 %. Huy động trẻ lớp lá ra lớp khá cao, tỷ lệ tính chung các trường trong phường đạt 100%.

Qua quá trình nỗ lực phấn đấu của tập thể, từ năm học 2016 - 2017 đến nay, nhà trường liên tục được công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc.

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của các trường mầm non nói chung, Trường Mầm non Hoa Quỳnh nói riêng đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mục đích nhìn nhận những mặt mạnh, ưu điểm và những hạn chế trong tổ chức chăm sóc giáo dục trẻ, qua đó đề xuất biện pháp khắc phục những hạn chế, đưa trường phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ trong thời kỳ mới.

2. Mục đích tự đánh giá.

Công tác tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ quản lý công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường; nhận rõ được điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí để có kế hoạch cải tiến phù hợp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, đáp ứng tình hình thực tế và nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Thành lập Hội đồng tự đánh giá: Tháng 6/2023.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: Tháng 6/2023.

Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng: Tháng 7/2023.

Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: Tháng 7/2023.

Viết báo cáo tự đánh giá: Tháng 7/2023.

Công bố báo cáo tự đánh giá: Tháng 9/2023.

Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá: Tháng 10/2023.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu

Nhà trường thực hiện xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm, bộ máy tổ chức đảm bảo cơ cấu đúng theo Điều lệ trường mầm non, quản lý thực

hiện mục tiêu giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Có tổ chức Đảng, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường, có cơ cấu tổ chức theo quy định. Hệ thống tổ chức gồm có: Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ: Chủ động xây dựng kế hoạch thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động, quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý giáo viên nhân viên thực hiện quy chế chuyên môn, đạo đức nhà giáo; thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch. Nhà trường luôn quan tâm việc hỗ trợ đời sống cho đội ngũ, khen thưởng giáo viên, trẻ đạt thành tích, trẻ có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp với Công an Phường 1 thực hiện đầy đủ các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; tổ chức chăm sóc, giáo dục, đảm bảo an toàn cho trẻ trong trường mầm non.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản

trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục: Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp giai đoạn 2015 - 2020: “Củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo đảm bảo đạt chuẩn trình độ đào tạo, tăng cường thiết bị dạy học hiện đại, đổi mới hình thức tổ chức, nội dung, phương pháp dạy học...”; phù hợp với nhiệm vụ giai đoạn 2020 - 2025 “Tiếp tục đổi mới toàn diện giáo dục theo hướng hiện đại hoá, chuẩn hoá, đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục; phù hợp với điều kiện thực tiễn nhân sự, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thực hiện bằng kế hoạch và đã được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công khai bằng hình thức triển khai trong các buổi họp hội đồng sư phạm và niêm yết tại bảng thông báo, trang Web của trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua Nghị quyết Chi bộ hằng tháng [H1-1.1-03]; Hiệu trưởng phân công các Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn thực hiện kiểm tra, đánh giá, báo cáo việc thực hiện các nội dung nhiệm vụ của kế hoạch chiến lược đã được cụ thể trong kế hoạch năm và tháng vào cuối tháng, cuối năm học [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có thực hiện rà soát các nội dung của phương hướng chiến lược, xây dựng và phát triển nhà trường; thảo luận và rút kinh nghiệm các nội dung trong các cuộc họp hội đồng trường, còn một vài cá nhân còn chưa mạnh dạn trong đóng góp ý kiến [H1-1.1-05]. Đánh giá, rút kinh nghiệm, bổ sung kế hoạch chiến lược vào đầu năm học, rà soát các nội dung thực hiện theo từng tháng [H1-1.1-04]. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-06]. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên gửi tới cha mẹ trẻ chiến lược giáo dục của nhà trường thông qua zalo của lớp để cha mẹ trẻ chủ động nghiên cứu và góp ý bổ sung cho chiến lược phát triển nhà trường. Bộ phận văn thư thực hiện chuyển kế hoạch lên trang Web của trường để cho cộng đồng nắm được kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025. [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu phát triển mầm non, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành. Có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

3. Điểm yếu

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn một vài cá nhân chưa mạnh dạn đóng góp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Vào cuối năm học Hiệu trưởng xây dựng dự thảo báo cáo và thực hiện phương hướng chiến lược áp dụng thực hiện cho từng năm học và gửi cho đội ngũ Hội đồng trường, cha mẹ thời gian trước cuộc họp 2 tuần để nghiên cứu và góp ý cho hoàn thiện và đạt hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp [H1-1.1-05]. Có các Hội đồng khác được thành lập vào đầu năm học: Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-03]; Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; Hội đồng thanh lý tài sản [H1-1.2-06].

b) Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, quyền hạn theo quy định. Hội đồng trường chịu trách nhiệm các quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực, các hoạt động trong nhà trường, xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự [H1-1.1-05]; [H1-1.2-05]... Các hội đồng khác: Hội đồng thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-04]. Các Hội đồng kỷ luật, Hội đồng chấm thi đồ dùng đồ chơi [H1-1.1-08], Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-01]... do Hiệu trưởng thành lập theo yêu cầu cụ thể của từng công việc, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tự giải thể khi xong nhiệm vụ.

c) Hội đồng trường được rà soát, nhận định rút kinh nghiệm theo từng năm học [H1-1.1-05]. Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-03]; Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-04] được rà soát điều chỉnh đầu năm học và có nhận định đánh giá tổng kết hoạt động sau khi thực hiện xong nhiệm vụ. Hội đồng chấm giáo viên giỏi [H1-1.2-02] và Hội đồng

chăm sáng kiến kinh nghiệm tự giải thể sau khi thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên việc nhận định, rà soát vẫn chưa hiệu quả [H1-1.2-03].

Mức 2:

Hội đồng trường họp 03 lần một năm. Hội đồng trường ra quyết nghị và được công bố công khai trong toàn nhà trường. Hiệu trưởng nhà trường thực hiện các quyết nghị của hội đồng trường và cụ thể hóa các nội dung trong kế hoạch năm, tháng. Các Hội đồng khác Hiệu trưởng ra quyết định, phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên. Các thành viên của Hội đồng thi đua khen thưởng căn cứ vào kế hoạch thi đua của Phòng Giáo dục và Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp xây dựng dự thảo kế hoạch từ đầu năm học, cho đội ngũ giáo viên, nhân viên góp ý, cụ thể hoá các nội dung, tiêu chí vào biểu điểm thi đua hàng tháng để từng cá nhân phấn đấu đạt được chỉ tiêu thi đua đề ra của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04]; Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào Điều lệ trường mầm non và cơ sở vật chất, diện tích đất, nhân sự... để xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học, thực hiện tốt quy chế dân chủ, cho đội ngũ được biết, được bàn bạc, thảo luận và tạo được sự đồng thuận của đội ngũ, thực hiện tuyển sinh đảm bảo đúng các đối tượng, không có tình trạng phản ánh, khiếu nại về công tác tuyển sinh [H1-1.2-01]; Hội đồng chăm sóc căn cứ vào các chỉ tiêu đăng ký thi đua của các cá nhân, dựa vào các tiêu chí theo quy định để chăm và thực hiện tốt công tác công khai, tạo được niềm tin, khích lệ cho đội ngũ [H1-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các hội đồng khác trong nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và định kỳ rà soát đánh giá.

3. Điểm yếu

Hội đồng chăm sóc kiến và chăm giáo viên giỏi giải thể sau khi thực hiện nhiệm vụ và việc nhận định, rà soát vẫn chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm 2023 Hiệu trưởng ban hành quy chế hoạt động năm học yêu cầu các Hội đồng trong nhà trường phải đảm bảo tốt công tác nhận định,

đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định. Hội đồng trường và các Hội đồng thi đua, Hội đồng tuyển sinh tiếp tục duy trì hoạt động, đánh giá, rút kinh nghiệm và thực hiện thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức Công đoàn với tổng số công đoàn viên là 32 người [H1-1.3-01]; có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực thuộc Đoàn Phường 1 quận Gò Vấp, gồm 08 đoàn viên, [H1-1.3-02]. Trường có Hội chữ thập đỏ [H1-1.3-03] với 32 thành viên. Hội khuyến học trực thuộc Hội khuyến học Phường 1 [H1-1.3-04].

b) Công đoàn viên và các đoàn viên chi đoàn luôn tích cực tham gia các hoạt động phong trào, các hoạt động tham gia đầy đủ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; Các tổ chức đoàn thể: Công đoàn [H1-1.3-01], Chi đoàn [H1-1.3-02], Hội chữ thập đỏ [H1-1.3-03], Hội khuyến học [H1-1.3-04] hoạt động theo điều lệ của các tổ chức. Đảm bảo số lượng các thành viên và có đầy đủ hồ sơ lưu trữ. Trong hoạt động một số cuộc họp liên quan đến tổ chức đoàn thể diễn ra trong thời gian làm việc, để đảm bảo an toàn cho trẻ nên số lượng thành viên chưa thể tham gia hội họp yêu cầu của tổ chức [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

c) Các hoạt động của tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều được rút kinh nghiệm ít nhất một năm một lần thông qua tổng kết các hoạt động. Riêng tổ chức đoàn thể: Công đoàn [H1-1.3-01], Chi đoàn [H1-1.3-02] được nhận định hàng tháng thông qua các báo cáo tháng.

Mức 2:

a) Trường có chi bộ gồm 09 đảng viên. Cấp uỷ gồm: 01 Bí thư, 01 phó bí thư và 01 uỷ viên. Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Phường 1 quận Gò Vấp. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Kết quả đánh giá Chi bộ trong 05 năm gần đây [H1-1.1-03].

Năm	Kết quả đánh giá
2018	Hoàn thành nhiệm vụ
2019	Hoàn thành nhiệm vụ
2020	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2021	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2022	Hoàn thành nhiệm vụ

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học đều tham gia hoạt động theo kế hoạch của cấp trên và đóng góp hiệu quả vào các hoạt động của nhà trường. Mỗi tháng, mỗi quý đều báo cáo kết quả hoạt động [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]. Công đoàn, Đoàn Thanh niên được đánh giá vững mạnh [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; Công tác khuyến học được quan tâm đẩy mạnh các hoạt động như: Phong trào nuôi heo đất, phát động

vẽ tranh gây quỹ... hoạt động khuyến học được khen thưởng hoàn thành xuất sắc [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Chi bộ Mầm non Hoa Quỳnh được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ năm nhiệm vụ năm 2019, 2020, 2021, hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 và năm 2022 [H1-1.1-03].

b) Công đoàn thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp, Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với cán bộ quản lý nhà trường phát động, kêu gọi toàn thể các cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các hoạt động như đóng góp các quỹ tương trợ, quỹ biển đảo, chăm lo tết cho người nghèo [H1-1.3-01]..., Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động công trình thanh niên “vườn cây của bé” “trao tặng thùng rác”, “giữ vệ sinh trước cổng trường” “xây dựng môi trường phòng học thông minh”. Tham gia các hoạt động phát động của Đoàn Phường 1: Vẽ tranh tường tuyên truyền an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, tham gia thăm địa chỉ đỏ [H1-1.3-02]..., Hội chữ thập đỏ kêu gọi hiến máu nhân đạo bình quân mỗi đợt 5 người tham gia, thực hiện bồi dưỡng các thao tác sơ cấp cứu vào đầu năm học [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ các tổ chức đoàn thể và đảm bảo hoạt động đúng theo quy định.

3. Điểm yếu

Công tác hội họp trong giờ hành chính một số đoàn viên chưa tham gia đầy đủ thành phần do công tác an toàn cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với tổ chức Công đoàn cấp trên, Chi đoàn phường về thời gian hội họp và số lượng thành viên tham dự để đảm bảo tốt hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và đảm bảo hoạt động của tổ chức đoàn thể.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo qui định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo qui định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường Mầm non Hoa Quỳnh là trường hạng một, gồm có 09 lớp học. Nhân sự cán bộ quản lý có 03 người: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng chuyên môn, 01 Phó hiệu trưởng bán trú [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]. Số lượng cán bộ quản lý đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non.

b) Nhà trường có 02 tổ: Tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Tổ chuyên môn chia làm 04 khối. Khối nhà trẻ 24 - 36 tháng, khối 3 - 4 tuổi, khối 4 - 5 tuổi, khối 5 - 6 tuổi. Tổ chuyên môn có 04 tổ khối trưởng [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]. Tổ văn phòng gồm có kế toán, văn thư, thủ quỹ, y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ. Có 01 tổ trưởng tổ công nhân viên [H1-1.4-02]; [H1-1.4-04].

- c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện sinh hoạt định kỳ 2tuần/1lần [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]. Tổ chuyên môn thực

hiện tốt công tác đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-05]. Tổ văn phòng có kế hoạch năm, tháng, tuần [H1-1.4-04], thực hiện bồi dưỡng chuyên môn theo hoạt động của nhà trường. Tổ văn phòng thực hiện tốt công tác quản lý tài chánh, tài sản trong nhà trường [H1-1.4-06] và có tổ chức họp định kỳ hàng tháng. Tuy nhiên nội dung ghi nhận biên bản của tổ văn phòng chưa thể hiện rõ các nội dung bồi dưỡng [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Tổ chuyên môn đánh giá các nội dung thực hiện trong từng tháng, cuối học kỳ, cuối năm và trên thực tiễn, nhu cầu tổ đã đề xuất được các chuyên đề bồi dưỡng ít nhất 01 đến 02 chuyên đề trong một năm để nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho năm học kế tiếp: Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, “Xây dựng kế hoạch chăm sóc giáo dục” [H1-1.4-03]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]...

b) Định kỳ 2 tuần tổ chuyên môn và tổ văn phòng họp nhận định, rút kinh nghiệm công tác để điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục thực hiện theo kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được cán bộ quản lý kiểm tra sổ họp và có nhận định từ đó giúp cho các tổ rà soát, điều chỉnh các nội dung sinh hoạt [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ theo quy định. Các nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn có sự chuẩn bị, gửi dự thảo trước cho các thành viên. Nội dung sinh hoạt bám sát kế hoạch chuyên môn, nhận định được các nội dung tồn tại và giải đáp được các vấn đề giáo viên, nhân viên băn khoăn. Định hướng cho các thành viên hoàn thành được các nhiệm vụ hiệu quả. Trong sinh hoạt có 4/11 thành viên tổ văn phòng còn chưa mạnh dạn, chủ động trao đổi khi có khó khăn trong công tác [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, căn cứ vào những tồn tại, hạn chế của năm học trước để xây dựng kế hoạch thực hiện

các chuyên đề từng năm học. Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên bằng nhiều hình thức: Bồi dưỡng tập trung, theo từng tổ khối, bồi dưỡng lý thuyết, thao giảng... [H1-1.4-08]. Các chuyên đề đều đạt khá và tốt, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn đề xuất được chuyên đề giáo dục đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Tổ văn phòng nội dung họp còn chưa thể hiện rõ nội dung bồi dưỡng. Còn 04 thành viên tổ văn phòng chưa mạnh dạn, chủ động trao đổi khi có khó khăn trong công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm 2023 Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, phân công các thành viên kiểm tra giám sát tổ văn phòng trong việc tổ chức họp định kỳ hàng tháng, có chỉ đạo về các nội dung bồi dưỡng và các ghi nhận trong biên bản nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, đáp ứng các hoạt động chung của nhà trường. Phân công tổ trưởng tổ văn phòng gợi ý cho 04 cá nhân chuẩn bị các nội dung ra giấy trước khi tiến hành cuộc họp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trẻ được phân chia theo độ tuổi từ nhà trẻ đến mẫu giáo: 02 nhóm nhà trẻ: Nhóm Gấu Bông 18 – 24 tháng có 27 trẻ, nhóm Thỏ Ngọc 25 - 36 tháng có 29 trẻ. Có 07 lớp mẫu giáo: 03 lớp 3 - 4 tuổi có 71 trẻ; 02 lớp 4 - 5 có 78 trẻ; 02 lớp 5 - 6 tuổi có 83 trẻ [H1-1.5-01].

b) Trường tổ chức cho trẻ học bán trú 100% theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-02].

c) Trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.1-04].

Mức 2:

Nhà trường có số lượng trẻ em trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo vượt quá quy định tại Điều lệ trường mầm non, diện tích lớp đảm bảo quy định cho trẻ [H1-1.2-01]; [H1-1.5-01].

Trẻ	Số trẻ thực tế	Số trẻ vượt quá quy định	Số giáo viên/ lớp	Diện tích / 1 trẻ
Nhóm 25 - 36 tháng	27	7	2	3.1
Nhóm 25 - 36 tháng	29	4	2	3.1
Lớp Mầm 1: 3- 4 tuổi	24	0	2	2.68
Lớp Mầm 2: 3- 4 tuổi	24	0	2	3.56
Lớp Mầm 2: 3- 4 tuổi	23	0	2	2.36
Lớp Chồi 1:	39	9	2	2.6

4 - 5 tuổi				
Lớp Chồi 2: 4 - 5 tuổi	39	9	2	2.77
Lớp Lá 1: 5 - 6 tuổi	41	8	2	2.6
Lớp Lá 2: 5 - 6 tuổi	42	5	2	2.6

Mức 3:

Nhà trường có 09 nhóm, lớp trong đó: 02 nhóm trẻ và 07 lớp mẫu giáo, nhà trẻ và lớp chồi, lớp lá vượt quá số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định và diện tích đảm bảo theo quy định trên trẻ [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc phân chia trẻ vào các nhóm, lớp đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% trẻ được học 02 buổi tại trường.

3. Điểm yếu

Sĩ số của nhóm nhà trẻ, lớp chồi, lá vượt quá quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 5 năm 2023 Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự để đáp ứng đủ quy định sĩ số trẻ và số giáo viên, xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tiếp theo giảm tải sĩ số theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ quản lý hành chính: Hồ sơ quản lý trẻ [H1-1.5-01]; hồ sơ quản lý tổ chức [H1-1.4-01]; hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.5-02]; hồ sơ các chương trình kế hoạch [H1-1.1-04]; hồ sơ theo dõi công tác văn thư, lưu trữ [H1-1.6-01]; hồ sơ công khai theo thông tư 36 [H1-1.6-02];... Có đầy đủ hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, quản lý trên phần mềm và các văn bản [H1-1.4-06]; [H1-1.6-03]. Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc lưu trữ hồ sơ hành chính, tài chính, tài sản theo từng năm. Một số văn bản của bộ phận hồ sơ chuyên môn, văn bản đến cách sắp xếp chưa khoa học [H1-1.6-01].

b) Hằng năm kế toán tham mưu với Hiệu trưởng xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-04], căn cứ số lượng trẻ, số định biên được giao trong năm lập dự toán thu chi, thực hiện quyết toán đầy đủ theo quy định, thống kê các số liệu thu, chi rõ ràng trên phần mềm kế toán. Báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên [H1-1.6-03]. Công khai tài chính trong cuộc họp Hội đồng sư phạm, niêm yết tại bảng tin. Hiệu trưởng định kỳ kiểm tra tài chính hàng tháng, kiểm tra tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng và điều chỉnh hằng năm vào đầu năm học [H1-1.4-09]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

c) Nhà trường thực hiện thu, chi theo đúng định mức của quy chế chi tiêu nội bộ, xây dựng nội quy quy chế thực hiện bảo quản tài sản, trang thiết bị để tránh hư hao, lãng phí, nguồn kinh phí tiết kiệm nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung các trang thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Thực hiện phân cấp quản lý để đảm bảo hiệu quả sử dụng tài chính, tài sản. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục quản lý bảo quản tài sản của bộ phận chuyên môn, Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng quản lý bảo quản tài sản của bộ phận bán trú. Thực hiện báo cáo hàng tuần về việc bảo quản tài sản của bộ phận mình phụ trách [H1-1.1-04]. Trong quá trình quản lý năm 2018 quản lý tài chính nguồn thu hộ - chi hộ chưa chặt chẽ, do đó ảnh hưởng đến hiệu quả công tác tài chính [H1-1.1.03]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản trong nhà trường. Sử dụng các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản như: Phần mềm Mindjed MindManager, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm kế toán, phần mềm bảo hiểm, phần mềm quản lý tài sản, giao dịch thuế qua mạng, dịch vụ công qua mạng,... [H1-1.1-04]; [H1-1.4-09]; [H1-1.6-03].

b) Nhà trường thực hiện quản lý nguồn thu hộ chi hộ chưa chặt chẽ, nhân viên kế toán chưa chi trả nguồn kinh phí thu hộ chi hộ cho các công ty đúng thời gian và đoàn kiểm tra có kết luận nhân viên kế toán chưa kịp thời chi trả nguồn kinh phí thu hộ chi hộ [H1-1.1-03]; [H1-1.6-03].

Mức 3:

Kế hoạch thu chi hằng năm thể hiện đầy đủ nội dung các nguồn thu, mức thu phù hợp với văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý theo quy định [H1-1.6-03]. Nhà trường đã thực hiện xây dựng các phương án tự chủ tài chính để thực hiện công tác tham mưu về công tác tài chính và chuẩn bị các nguồn kinh phí phục vụ hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các loại hồ sơ theo quy định tại Điều 25 Điều lệ trường mầm non, hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo năm, dễ sử dụng. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu

Còn hồ sơ sắp xếp, lưu trữ chưa khoa học.

Công tác quản lý tài chính nguồn thu hộ chi hộ chưa đảm bảo tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2023 Hiệu trưởng tiếp tục đôn đốc bộ phận phụ trách tài chính, tài sản thực hiện tốt nhiệm vụ. Hiệu trưởng và kế toán nắm vững văn bản chỉ đạo về các khoản thu học phí và thu khác để xây dựng kế hoạch thu chi ngắn hạn, dài hạn tạo ra nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, của địa phương. Giám sát chặt chẽ hoạt động giao nhận hoá đơn và kiểm tra tài chính, thực hiện đối chiếu với ngân hàng, kho bạc hàng tháng. Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trong đó có công tác kiểm tra tài chính. **Thực hiện công tác bồi dưỡng cho các bộ phận chuyên môn và lưu trữ của bộ phận văn thư để sắp xếp các hồ sơ khoa học. Ban hành quyết định phân công công việc cụ thể về công tác bảo quản, sắp xếp, lưu trữ hồ sơ.**

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho quản lý, giáo viên và nhân viên. Bồi dưỡng các chuyên đề về chuyên môn: Chuyên đề xây dựng kế hoạch, sử dụng sản phẩm của trẻ trong việc xây dựng môi trường tổ chức hoạt động học và chơi cho trẻ, thực hiện các thao tác vệ sinh, đổi mới tổ chức giờ ăn... xây dựng các chỉ tiêu công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn: Nâng chuẩn về công tác quản lý giáo dục cho cán bộ quản lý và đối tượng quy hoạch, nâng chuẩn về trình độ đào tạo cho giáo viên [H1-1.4-07]... 2 phó hiệu trưởng đang tham gia nâng chuẩn trình độ thạc sĩ Quản lý giáo dục, 02 giáo viên và văn thư đã thực hiện xong công tác nâng chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường còn 01 giáo viên chưa tham gia lớp học nâng chuẩn [H1-1.4-07]; [H1-1.7-01].

b) Hằng năm, nhà trường đều căn cứ vào trình độ chuyên môn, năng lực của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên để ra quyết định phân công nhiệm vụ cho phù hợp với từng vị trí việc làm để đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-09]; Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật: Tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường [H1-1.4-08]; các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ [H1-1.1-06]; [H1-1.4-06]; tiền lương và các chế độ khác theo quy định [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.4-07]...

Mức 2:

Nhà trường đi sâu đi sát các hoạt động của đội ngũ, nắm bắt khả năng của từng cá nhân thông qua các hoạt động kiểm tra, dự giờ [H1-1.4-09]. Dựa vào năng lực của từng cá nhân phân công nhiệm vụ cho phù hợp [H1-1.4-02]. Động

viên khen thưởng kịp thời các cá nhân làm tốt nhiệm vụ từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý tốt cán bộ, giáo viên, nhân viên. Có kế hoạch bồi dưỡng và phân công, phân nhiệm phù hợp, đảm bảo quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định.

3. Điểm yếu

Còn 01 giáo viên chưa có điều kiện tham gia lớp học nâng chuẩn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 Hiệu trưởng tiếp tục trao đổi làm công tác tư tưởng với đội ngũ giáo viên, **triển khai các văn bản liên quan đến thời hạn cuối cùng về nâng chuẩn trình độ chuyên môn của giáo viên, phối hợp với Ban chấp hành công đoàn vận động tuyên truyền về tầm quan trọng, quyền lợi và nghĩa vụ của giáo viên trong công tác nâng chuẩn trình độ đào tạo, hỗ trợ kinh phí để giáo viên tham gia lớp học nâng chuẩn.**

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Căn cứ phương hướng nhiệm vụ năm học của ngành, căn cứ các yếu tố chủ quan, khách quan nhà trường xây dựng kế hoạch năm học đảm bảo cho tất

cả các bộ phận góp ý [H1-1.1-06]. Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, phân công cụ thể cho từng thành viên [H1-1.4-09], kế hoạch kiểm tra đánh giá giáo viên theo chuyên đề [H1-1.4-08], kế hoạch kiểm tra dự giờ đánh giá các hoạt động chăm sóc giáo dục [H1-1.8-01].

b) Nhà trường triển khai kế hoạch cho đội ngũ vào đầu năm học [H1-1.1-06]; [H1-1.8-02] và kế hoạch tháng bám sát các nội dung các kế hoạch năm thực hiện và có nhận định báo cáo hàng tháng, sơ kết, tổng kết để đánh giá kế hoạch năm, nội dung tham quan học tập bên ngoài nhà trường năm 2022 - 2023 chưa đảm bảo theo đúng quy định [H1-1.1-04].

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch, nhà trường ứng dụng phần mềm Mindjed MindManager để quản lý việc thực hiện kế hoạch giáo dục của các lớp. Làm tốt công tác rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, thao tác sử dụng máy tính của 3/18 giáo viên còn hạn chế do đó nội dung chương trình còn bị bỏ sót [H1-1.8-03].

Mức 2:

Nhà trường bám sát vào kế hoạch năm, tháng [H1-1.1-04], kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.4-09], kế hoạch chuyên đề [H1-1.4-08] để thực hiện tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Qua việc rà soát, điều chỉnh, bồi dưỡng giáo viên có nhiều tiến bộ, đạt hiệu quả tốt các chuyên đề được giao. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả tốt: Nhà trường đạt danh hiệu đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2016 - 2017, 2017 - 2018, đạt danh hiệu lao động tiên tiến năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, năm học 2018 – 2019; 2021- 2022 hoàn thành nhiệm vụ do công tác quản lý tài chính chưa hiệu quả và có cá nhân sinh con thứ 3 [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đảm bảo các quy định và thực tiễn, đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Ứng dụng công nghệ thông tin của 03 giáo viên còn hạn chế do đó nội dung chương trình còn bị bỏ sót.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm 2023 Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục cho từng tổ khối giáo viên rà soát lại kế hoạch. Sau khi rà soát chương trình được đóng quyển theo từng lứa tuổi để cho giáo viên thực hiện. Phân công tổ trưởng các tổ khối kiểm tra kế hoạch của tổ viên hàng tuần. Phó hiệu trưởng thực hiện kiểm tra định kỳ kế hoạch của giáo viên hàng tháng theo kế hoạch kiểm tra nội bộ. Tổ chức cho trẻ tham quan học tập bên ngoài nhà trường theo đúng kế hoạch một năm hai đợt. Phối hợp

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học nhà trường xây dựng dự thảo các kế hoạch như: Kế hoạch năm học [H1-1.1-04], kế hoạch công tác chính trị tư tưởng [H1-1.9-01], kế hoạch thi đua, biểu điểm thi đua [H1-1.2-04]...; nội quy hoạt động của cơ quan, nội quy làm việc của giáo viên, nhân viên; quy chế hoạt động của nhà trường, quy chế tổ chuyên môn, tổ văn phòng, quy chế làm việc của cán bộ quản lý, quy chế dân chủ [H1-1.9-02], quy chế phối hợp với Ban chấp hành công

đoàn [H1-1.3-01], quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-04]... cho toàn thể đội ngũ sư phạm thảo luận, đóng góp ý kiến, 03 giáo viên và 04 nhân viên chưa nghiên cứu kỹ nội dung dự thảo do vậy việc góp ý xây dựng cho văn bản dự thảo còn hạn chế [H1-1.1-06]; [H1-1.3-01].

b) Nhà trường xây dựng nội quy tiếp dân, phân công thành viên Ban tiếp dân, phối hợp với tổ chức Công đoàn thành lập Ban Thanh tra nhân dân để thực hiện giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường, các phản ánh, kiến nghị, tố cáo đều được giải quyết đúng pháp luật. Trong 5 năm trường không có phản ánh, khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-03].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị. Xây dựng dự thảo các nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ... thông qua dự thảo lấy ý kiến của tập thể trong Hội nghị Cán bộ công chức viên chức người lao động, trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm, hoàn tất dự thảo và ban hành các chương trình, kế hoạch đúng quy trình và báo cáo với cấp trên [H1-1.9-02].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả: Công khai phân công nhân sự [H1-1.1-06], chế độ lương thưởng, công khai tiêu chuẩn bình chọn được tuyên dương, khen thưởng, công khai kết quả đánh giá xét thi đua [H1-1.2-04], công khai tài chính [H1-1.6-03]... theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở phát huy được các thảo luận đóng góp của đội ngũ. Có đầy đủ hồ sơ thực hiện quy chế dân chủ theo quy định.

3. Điểm yếu

Còn 04 nhân viên, và 03 giáo viên chưa nghiên cứu kỹ nội dung dự thảo do vậy việc góp ý xây dựng cho văn bản dự thảo còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 – 2024 Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận văn thư gửi các văn bản liên quan công tác dân chủ và các dự thảo nội quy, quy chế, quy chế chi tiêu nội bộ, các kế hoạch cần phải công khai... cho các tổ khối triển khai lấy ý kiến từ tổ khối, tổ chức lấy ý kiến trong tổ chuyên môn, phối hợp với Ban chấp hành công đoàn tổ chức lấy ý kiến của đội ngũ tập thể sư phạm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học, nhà trường xây dựng các kế hoạch phương án đảm bảo an ninh trật tự; phối hợp Công an và Trạm Y tế Phường 1 về phương thức thực hiện để đảm bảo an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]. Thực hiện gắn camera 2 cơ sở để đảm bảo các điều kiện an toàn trường học. Xây dựng kế hoạch, phòng cháy chữa cháy, phối hợp với công an phòng cháy chữa cháy quận Gò Vấp thực hiện diễn tập vào đầu năm học. Trường có 02 cơ sở nhân sự không đảm bảo đầy đủ cho các vị trí trong kế hoạch diễn tập [H1-1.10-03]. Có kế hoạch phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, có giấy chứng nhận bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn giao thông [H1-1.10-04]; an toàn trường học, phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-05].

b) Nhà trường có theo dõi hộp thư góp ý, trang Web trường để công khai các số điện thoại Ban tiếp dân, đường dây nóng để tiếp nhận xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường thông qua việc xây dựng, tổ chức, kiểm tra định kỳ kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất [H1-1.4-09], thực hiện các kế hoạch an toàn trường học [H1-1.10-01], khám sức khỏe cho đội ngũ [H1-1.10-02], các phương án phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03]...

c) Đảm bảo công bằng trong đối xử, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-01].

Mức 2:

a) Nhà trường đã tổ chức phổ biến các kế hoạch, chương trình về công tác đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện diễn tập an toàn phòng, chống cháy nổ, thảm họa, thiên tai dịch bệnh [H1-1.10-03]; tập huấn cho đội ngũ các thao tác sơ cấp cứu góp phần phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-05]; kế hoạch an toàn giao thông cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ [H1-1.10-04].

b) Liên quan đến vấn đề bạo lực học đường, an ninh trật tự trong trường học, Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin

có biện pháp tuyên truyền nhắc nhở đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên kịp thời, có hiệu quả [H1-1.1-03]; [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo yêu cầu, có sự phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể Phường 1 thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, công tác an toàn trường học cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhà trường được cấp giấy chứng nhận trường học an toàn, an ninh trật tự.

3. Điểm yếu

Trường có 02 cơ sở, nhân sự không đảm bảo đầy đủ cho các vị trí trong kế hoạch diễn tập phòng cháy chữa cháy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 5 năm 2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh, sắp xếp số lượng trẻ phù hợp với từng độ tuổi theo Điều lệ trường mầm non. Trên cơ sở đó sẽ sắp xếp nhân sự đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác diễn tập phòng cháy chữa cháy.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường đảm bảo đầy đủ cơ cấu nhân sự, các Hội đồng, tổ chức đoàn thể theo quy định. Có các chương trình chiến lược, kế hoạch phối hợp với các ban ngành đoàn thể Phường 1, kế hoạch quản lý các hoạt động chuyên môn nuôi, dạy, bồi dưỡng đảm bảo an toàn cho đội ngũ và trẻ. Thực hiện tốt kiểm tra giám sát phù hợp với điều kiện thực tế của trường, địa phương.

Đảm bảo tốt dân chủ, an toàn, quyền lợi cho đội ngũ. Phân công, phân nhiệm rõ ràng cho từng thành viên trong bộ máy tổ chức của nhà trường. Đảm bảo quản lý nhóm trẻ và lớp mẫu giáo theo từng lứa tuổi quy định.

Điểm yếu cơ bản

Nhận định, rà soát của Hội đồng chấm sáng kiến và chấm giáo viên giỏi sau giải thể chưa hiệu quả.

Công tác hội họp trong giờ hành chính một số đoàn viên chưa tham gia đầy đủ thành phần do công tác an toàn cho trẻ.

Tổ văn phòng nội dung họp còn chưa thể hiện rõ nội dung bồi dưỡng. Còn 04 thành viên tổ văn phòng chưa mạnh dạn, chủ động trao đổi khi có khó khăn trong công tác.

Công tác quản lý tài chính nguồn thu hộ chi hộ chưa đảm bảo tốt.

Còn 01 giáo viên chưa có điều kiện tham gia lớp học nâng chuẩn.

Ứng dụng công nghệ thông tin của 03 giáo viên còn hạn chế do đó nội dung chương trình còn bị bỏ sót.

Trường có 02 cơ sở, nhân sự không đảm bảo đầy đủ cho các vị trí trong kế hoạch diễn tập phòng cháy chữa cháy.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Trường Mầm non Hoa Quỳnh từ ngày thành lập đến nay luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và luôn năng động trong công việc. Giáo viên có tinh thần học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, chính trị, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động của nhà trường và tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục. Nhà trường thực hiện công tác đánh giá xếp loại Chuẩn Hiệu trưởng, Chuẩn Phó hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định; nhân viên được đánh giá xếp loại theo đúng quy trình.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ Cử nhân mầm non đảm bảo trên chuẩn theo quy định. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng mới có chứng chỉ về quản lý giáo dục chưa đảm bảo các chỉ tiêu nâng chuẩn theo kế hoạch bồi dưỡng của nhà trường [H1-1.4-01], [H1-1.4-07]. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có phẩm chất đạo đức tốt, luôn quan tâm gần gũi chia sẻ đến từng cá nhân trong đơn vị, được tập thể nhà trường tín nhiệm [H2-2.1-01]

	Số năm công tác	Số năm quản lý	Trình độ chuyên môn	Trình độ quản lý	Trình độ chính trị
Hiệu trưởng	21 năm	14 năm	Cử nhân mầm non	Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp lý luận hành chính
Phó hiệu trưởng chuyên môn	17 năm	6 năm	Cử nhân mầm non	Đại học quản lý giáo dục	Trung cấp lý luận hành chính
Phó hiệu trưởng bán trú	21 năm	7 năm	Cử nhân mầm non	Chứng chỉ quản lý giáo dục	Trung cấp lý luận hành chính

b) Cuối các năm học nhà trường tổ chức lấy ý kiến của tập thể sư phạm thực hiện đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo xếp loại từ khá trở lên [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
--	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

Hiệu trưởng	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá	
Phó hiệu trưởng chuyên môn	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá	
Phó hiệu trưởng bán trú	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá	

c) Cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn như: Bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.4-07]; kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.4-08]; kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu [H1-1.10-02].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng đã thể hiện năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường. Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được đánh giá theo Chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá và hoàn thành tốt nhiệm vụ theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị hệ theo quy định [H1-1.4-07]. Được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng thực hiện tốt các nội dung đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp đánh giá mức khá [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn trên chuẩn được tham gia các lớp bồi dưỡng theo quy định, được đánh giá đạt khá.

3. Điểm yếu

Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có chứng chỉ về Quản lý giáo dục nên chưa đảm bảo các chỉ tiêu nâng chuẩn theo kế hoạch bồi dưỡng của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2023-2024 Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng chuẩn công tác Quản lý giáo dục cho Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

1. Mô tả thực trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 18 giáo viên / 09 nhóm, đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01].

b) Nhà trường có 17/18 giáo viên trình độ chuyên môn đạt chuẩn tỷ lệ 94.4%, trong đó 10/17 giáo viên trình độ Cử nhân mầm non đạt tỷ lệ 55.55%, còn 7/17 giáo viên trình độ Cao đẳng mầm non đạt tỷ lệ 38.88 %, 1/17 giáo viên Trung cấp đạt tỷ lệ 5.55% [H1-1.4-01].

	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
Thạc sĩ	0	0	0	0	0
Cử nhân	17	15	14	10	10
Cao đẳng	3	3	3	4	7
Trung cấp	1	3	3	3	1

c) Trường có 100% giáo viên hằng năm được đánh giá xếp loại theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, được đánh giá đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. Năm học 2022-2023 thực hiện tự đánh giá, nhà trường ghi nhận kết quả đánh giá của đội ngũ [H1-1.4-05].

Năm học	xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên		
	Xuất sắc (Tỷ lệ: %)	Khá: (Tỷ lệ: %)	Đạt (Tỷ lệ: %)
2018 - 2019	0	9/21 Tỷ lệ: 43%	12/21 Tỷ lệ: 57%
2019 - 2020	0	9/21 Tỷ lệ: 43%	12/21 Tỷ lệ: 57%
2020 - 2021	0	6/20 Tỷ lệ: 30%	14/20 Tỷ lệ: 70%
2021 - 2022	0	4/17 Tỷ lệ: 23.5%	13/17 Tỷ lệ: 76.4%

2022 - 2023	0	2/18 Tỷ lệ: 11.11%	16/18 Tỷ lệ: 88.88%
-------------	---	-----------------------	------------------------

Mức 2:

a) Trường có 55.55% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ để nâng mức giáo viên đạt trên chuẩn theo lộ trình cụ thể, Trong năm học 2022 – 2023 đã có 02/03 giáo viên đang có bằng cử nhân giáo dục mầm non [H1-1.4-07].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức đạt trở lên, trong đó có 02/18 giáo viên đạt khá, tỷ lệ 11.11%; 04 giáo viên chưa linh hoạt về phương pháp. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt khá còn thấp [H1-1.4-05].

c) Trong 5 năm, không có giáo viên nào bị kỷ luật [H2-2.1-02].

Mức 3:

a) Giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo cử nhân giáo dục mầm non 17/18 giáo viên, đạt tỷ lệ 94.44% [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có 02/18 giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp loại khá theo nội dung nhà trường ghi nhận tự đánh giá năm học 2022-2023 của giáo viên, nhà trường thực hiện đánh giá vào năm 2023-2024, theo ghi nhận tỷ lệ giáo viên đạt khá chuẩn nghề nghiệp mức độ khá còn thấp, không có giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại tốt [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn là 58.8%, và được đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt 100%.

3. Điểm yếu

Còn 01 giáo viên có trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức độ khá chưa cao. 04 giáo viên chưa linh hoạt về phương pháp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 11 năm 2023 Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên đề, Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tăng cường dự các chuyên đề còn yếu,

thường xuyên dự giờ góp ý cho đội ngũ, chú trọng bồi dưỡng cho giáo viên còn hạn chế về phương pháp. Cung cấp các tài liệu chuyên môn cho đội ngũ tham khảo. Tạo điều kiện cho 01 giáo viên tham gia lớp học nâng chuẩn để đảm bảo 100% giáo viên đạt chuẩn theo kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 11 nhân viên gồm: 01 nhân viên kế toán, 02 nhân viên cấp dưỡng, 03 nhân viên phục vụ, 03 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế kiêm thủ quỹ và kho. 01 giáo viên lớp mầm 1 kiêm nhiệm công tác thiết bị. 02 giáo viên và 01 nhân viên kiêm công tác Thanh tra nhân dân. 01 giáo viên Mầm 1, Mầm 2, Chồi 1 kiêm nhiệm công tác công đoàn. 01 giáo viên Lá 2, 01 nhân viên kiêm công tác chi đoàn, 01 nhân viên nuôi dưỡng có trình độ chuyên môn Cao đẳng quản trị kinh doanh kiêm nhiệm công tác văn thư [H1-1.4-0.2].

b) Căn cứ vào văn bằng để phân công nhiệm vụ cho phù hợp: Kế toán có bằng Đại học, thực hiện quản lý hồ sơ sổ sách thu chi tài chính, tài sản; nhân

viên y tế có bằng Trung cấp y sĩ phụ trách công tác y tế; 01 nhân viên có bằng Trung cấp, 01 nhân viên có Chứng chỉ Sơ cấp nấu ăn, chưa đảm bảo theo đề án vị trí việc làm cấp dưỡng [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]. Ngoài căn cứ văn bằng, nhà trường còn căn cứ vào phẩm chất, năng lực, ý thức trách nhiệm để sắp xếp các công tác kiêm nhiệm: Nhân viên có tác phong nhanh nhẹn, chủ động sắp xếp công việc khoa học, thực hiện công tác vệ sinh cơ sở 2 có 01 nhân sự, bảo vệ phụ trách công tác đảm bảo an toàn trường học và thực hiện hỗ trợ công tác sửa chữa nhỏ tại các khu vực theo kế hoạch, nhân viên y tế có kinh nghiệm, có trách nhiệm cao thực hiện công tác kiêm nhiệm thủ quỹ... [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

c) Nhân viên được tạo mọi điều kiện để học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định. Đội ngũ nhân viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.4-09]; [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên chưa đảm bảo đúng theo đề án vị trí việc làm. Văn bằng cấp dưỡng chưa đảm bảo theo đề án vị trí việc làm [H2-2.2-01].

b) Trong năm 2018 có 01 nhân viên kế toán vi phạm nguyên tắc tài chính, chậm chi trả nguồn thu hộ chi hộ cho các đơn vị liên quan bị xử lý kỷ luật, buộc thôi việc [H2-2.1-02].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán có bằng Trung cấp kế toán, nhân viên nấu ăn có bằng Sơ cấp nấu ăn, nhân viên y tế có bằng Trung cấp y sĩ. Nhân viên nuôi dưỡng có bằng Cao đẳng quản trị kinh doanh kiêm công tác văn thư và có chứng chỉ nghiệp vụ văn thư đáp ứng đề án vị trí việc làm, 02 nhân viên phục vụ có bằng Sơ cấp bảo mẫu, 01 nhân viên phục vụ nấu ăn. 03 Bảo vệ được tập huấn công tác phòng chống cháy nổ và có giấy chứng nhận [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, nhân viên được tham gia các lớp tập huấn theo vị trí việc làm như: Nhân viên văn thư tham gia các lớp tập huấn về các phần mềm quản lý nhân sự, học sinh [H1-1.4-07]; 100% nhân viên được tập huấn vệ sinh an toàn

thực phẩm, tập huấn sơ cấp cứu [H1-1.10-02]; phòng chống cháy nổ, cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên có tinh thần ý thức trách nhiệm cao, luôn hỗ trợ, phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, hoàn thành tốt công tác được giao.

3. Điểm yếu

Có 01 nhân viên kế toán bị kỷ luật năm 2018.

Số lượng cấp dưỡng chưa đủ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 4 năm 2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng rà soát sĩ số trẻ để chủ động xây dựng đề án vị trí việc làm, đảm bảo số lượng người làm việc theo quy định. Hiệu trưởng thực hiện nghiêm túc kiểm tra bộ phận tài chính hàng tháng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh cơ bản

Cán bộ quản lý nhà trường có thời gian công tác thâm niên trong ngành giáo dục mầm non, đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có lối sống đạo đức tốt, được giáo viên, nhân viên tín nhiệm. Trường có đủ giáo viên theo quy định của Điều lệ trường mầm non, 94.44% giáo viên đạt trình độ chuẩn. Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và hoàn thành tốt các công tác kiêm nhiệm.

Điểm yếu cơ bản

Phó hiệu trưởng bán trú mới có chứng chỉ về Quản lý giáo dục.

Còn 01 giáo viên có trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn. Tỷ lệ giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức độ khá chưa cao. 04 giáo viên chưa linh hoạt trong phương pháp.

Văn bản của bộ phận văn thư chưa đảm bảo đúng theo đề án vị trí việc làm.

01 nhân viên kế toán bị kỷ luật năm 2018.

Số lượng cấp dưỡng chưa đủ theo quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi giúp trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Trường Mầm non Hoa Quỳnh gồm 02 cơ sở, được xây dựng kiên cố, xung quanh có tường bao quanh, có bảng tên trường theo quy định. Sân trường có cây xanh và bố trí sắp xếp hài hoà. Có các công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập, phòng chức năng, sân chơi, khu vệ sinh được xây dựng đúng quy định. Nhà trường có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Song song với việc nâng cao chất lượng đội ngũ, Trường Mầm non Hoa Quỳnh đã từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ và bắt kịp với xu thế hiện đại.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

- a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*
- b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*
- c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

- a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Hoa Quỳnh có 02 cơ sở. Tổng diện tích đất toàn trường là 1.240.9m² bình quân 4.3m²/1trẻ. Cơ sở 01 có 205 trẻ, diện tích sàn xây dựng là 2.235.6m², diện tích bình quân cho trẻ hoạt động là 10.9m²/trẻ; cơ sở 02 có 83 trẻ, diện tích sàn sử dụng 994.6m², diện tích bình quân cho trẻ hoạt động là 11.9m²/trẻ [H3-3.1-01].

b) Xung quanh nhà trường đều có tường bao, cổng trường chắc chắn, biển tên trường, cây xanh trong khuôn viên trường được bố trí hài hòa, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-01].

c) Cả 02 cơ sở đều có sân chơi. Tổng diện tích sân chơi 02 cơ sở là 1.220 m² bình quân 4.2m²/ 1 trẻ. Trong đó diện tích sân chơi cơ sở 01 tầng trệt là 320.2 m², sân chơi trên sân thượng là 524.3m², Diện tích sân chơi cơ sở 02 là 375.5m² [H3-3.1-01]. Các lớp cơ sở 01 đều có hành lang cho trẻ hoạt động. Hành lang cơ sở 02 nhỏ, trẻ không thể hoạt động. Sân chơi có cây xanh, sắp xếp thảm cỏ được bố trí các khu vực chơi khác nhau như: Khu chơi cát nước, khu vận động; vườn cây cho trẻ chăm sóc, khám phá. Sân chơi ngoài trời được trải thảm cỏ nhân tạo với các loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, sạch sẽ cho trẻ tham gia hoạt

động và giáo viên sử dụng sân chơi để bố trí đồ chơi, trò chơi cho trẻ hoạt động vui chơi, thực hành bài tập [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổng diện tích cơ sở 01: 662,7 m². Diện tích xây dựng công trình chiếm 51.2%. Diện tích sân chơi tầng trệt: 320,2m², diện tích sân thượng: 524,3m² chiếm 48.8%. Tổng diện tích cơ sở 02: 578,2m². Diện tích xây dựng công trình chiếm 35.1%. Diện tích sân chơi: 375,5m², diện tích sân chơi chiếm 64.9%. Đảm bảo diện tích cho trẻ hoạt động [H3-3.1-01].

b) Xung quanh trường có tường bao, cổng trường chắc chắn, biển tên trường đẹp. Có sân chơi với diện tích sân vườn của 02 cơ sở 1.219.7m². Có vườn cây của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ vui chơi, khám phá, tìm hiểu môi trường xung quanh, có các cây xanh trong khuôn viên trường được bố trí hài hòa, có bồn bao quanh, cây được chăm sóc và cắt tỉa tạo bóng mát, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, môi trường thân thiện và an toàn [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Khu vực sân chơi ngoài trời của bé được lát gạch, trải thảm cỏ nhân tạo nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ khi chơi, đa dạng các loại đồ chơi ngoài trời như: Trò chơi cát, nước, cầu trượt, đồ chơi liên hoàn, thang đu, thú nhún... đạt mục tiêu giáo dục, đồng thời giúp trẻ hứng thú và tích cực hoạt động. Sân chơi cơ sở 01 tầng trệt còn nhỏ, ảnh hưởng đến việc bố trí các đồ dùng, đồ chơi ngoài trời cho trẻ hoạt động [H1-1.4-06]; [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Sân chơi ngoài trời có khu vực riêng cho trẻ chơi vận động với các loại đồ chơi ngoài trời như chơi cát, chơi nước, đồ chơi liên hoàn, thang đu... Sân chơi có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuy nhiên, sân chơi tại tầng trệt cơ sở một chưa có khu vực sân vườn cho trẻ nhà trẻ hoạt động và đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động tại sân vườn trên tầng thượng còn hạn chế [H1-1.4-06]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được xây dựng kiên cố, khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, tường rào bao quanh chắc chắn và an toàn. Sân chơi được trải thảm cỏ nhân tạo, thiết kế phù hợp với độ tuổi mầm non, có đủ đồ chơi ngoài trời cho trẻ và có vườn rau cho trẻ chăm sóc.

3. Điểm yếu

Sân vườn tầng trệt cơ sở 01 chưa có khu vực vườn thiên nhiên cho trẻ nhà trẻ hoạt động, đồ dùng cho trẻ hoạt động tại vườn thiên nhiên trên tầng thượng còn hạn chế.

Diện tích xây dựng công trình vượt quá quy định.

Sân chơi cơ sở 01 tầng trệt còn nhỏ, ảnh hưởng đến việc bố trí các đồ dùng, đồ chơi ngoài trời cho trẻ hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm 2023 Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục sắp xếp và bố trí lại khu vực vườn cây ở lầu 1 thành khu vực của của mẫu giáo và trẻ riêng biệt, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch mua sắm trang bị bổ sung đầy đủ đồ dùng đồ chơi tại vườn thiên nhiên cho trẻ, Phó hiệu trưởng chuyên môn sắp xếp khu vực đồ chơi cho trẻ nhà trẻ tận dụng sân chơi và hành lang tầng trệt cơ sở 1 cho trẻ nhà trẻ để khắc phục diện tích sân chơi nhỏ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) *Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

b) *Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 02 cơ sở với tổng số 09 phòng học. Cơ sở 01 có 07 phòng học: 02 nhóm lớp nhà trẻ (01 nhóm 19 - 24 tháng; 01 nhóm 25 - 36 tháng); 03 lớp 3 - 4 tuổi; 02 lớp 4 - 5 tuổi; Diện tích bình quân 85m²/lớp. Cơ sở 02 có 02 phòng học: 02 lớp 5 - 6 tuổi. Diện tích bình quân 85m²/lớp [H1-1.2-01]; [H1-1.5-01]; [H3-3.1-01].

b) Phòng học là nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn, ngủ. Lớp học thoáng mát đủ ánh sáng tự nhiên, nền lát gạch bông, nền gỗ sạch sẽ, các lớp được trang bị đủ đồ dùng, đồ chơi cho trẻ hoạt động. Trường có phòng thể chất diện tích 137m² được trang bị các loại dụng cụ cho trẻ luyện tập. Phòng nghệ thuật và phòng máy diện tích 100.2 m² được trang bị đàn organ, bảng tương tác, hệ thống âm thanh, tủ để trang phục, quần áo, đạo cụ múa, xung quanh tường gắn kính, giống múa. Phòng giáo dục thể chất, âm nhạc và phòng máy được lát gỗ 100 m² [H1-1.4-06]; [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

c) 100% lớp có hệ thống đèn điện, hệ thống quạt trần và treo tường. Lớp 3 - 4 tuổi ở cơ sở 1 có máy lạnh. Văn phòng và các lớp đều có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đáp ứng tốt cho các hoạt động của trẻ [H1-1.4-06]; [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung được kết hợp làm phòng ngủ. Cơ sở 01: Nhóm Gấu Bông (19-24) tháng diện tích bình quân: 3.1 m²/ trẻ, nhóm Thỏ Ngọc (25-36) tháng: 3.1m²/trẻ, lớp Mầm 1: 2.86 m²/trẻ, Mầm 2: 3.56m²/trẻ. Mầm 3: 2.36m²/trẻ, lớp Chồi 1 (4 - 5 tuổi): 2.6m²/trẻ, Chồi 2: 2.77m²/trẻ. Phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 100.2m², phòng giáo dục thể chất diện tích 137m². Cơ sở 02: Lá 1 (5 - 6 tuổi): 2.6 m²/ trẻ, Lá 2: 2.6m²/trẻ đảm bảo yêu cầu về diện tích sử dụng. Phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 54.14 m² [H3-3.1-01].

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng [H1-1.4-06]; [H3-3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng học rộng rãi, thoáng mát, được lắp đặt hệ thống quạt trần, tường, máy lạnh, lát sàn gỗ sạch, đẹp. Hành lang có tường rào bao quanh an toàn.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng để trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 3 năm học 2024 Hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục xây dựng phòng học thông minh cho trẻ làm quen tin học và ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) *Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) *Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các phòng theo quy định. Cơ sở 01: Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng hành chính, phòng y tế, phòng nghỉ của nhân viên, phòng bảo vệ . Cơ sở 02: 01 phòng quản lý, 01 phòng họp; 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ. Cả 02 cơ sở đều có khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khu để xe của trường [H3-3.1-01].

b) Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc: Phòng hành chính có bàn ghế tiếp khách, có tủ lưu trữ hồ sơ; phòng Hiệu trưởng có bàn ghế hội họp, tủ lưu trữ hồ sơ và các vật dụng cần thiết để tiếp khách; phòng Phó hiệu trưởng có đầy đủ các biểu bảng theo quy định, có phương tiện làm việc: Máy tính, máy in, máy photo và bàn ghế tiếp khách; phòng dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân, phòng có diện tích nhỏ so với số lượng nhân viên của trường; phòng bảo vệ có bàn ghế để nhân viên bảo vệ trực cổng [H1-1.4-06]; sổ theo dõi khách ra vào trường [H3-3.3-01]; phòng y tế có trang thiết bị y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe trẻ, hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ, tranh ảnh tuyên truyền về công tác chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ [H1-1.10-02].

c) Cả 02 cơ sở đều có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Có hệ thống camera giám sát đảm bảo an toàn trong nhà trường [H1-1.4-06]; [H3-3.1-01].

Mức 2:

a) Các phòng theo quy định. Cơ sở 01: phòng Hiệu trưởng 30 m², phòng Phó hiệu trưởng 29.6 m², phòng hành chính 22.78 m², phòng y tế 10.4 m² phòng nghỉ của nhân viên 18 m² tuy nhiên đảm bảo cho số lượng nhân viên cơ sở 01, phòng bảo vệ 9.89 m². Cơ sở 02: 01 phòng quản lý 36.7 m², 01 phòng họp có diện tích 54.4 12 m², phòng trước là phòng học cải tạo thành phòng họp do vậy việc bố trí bàn, ghế họp cũng chưa được thuận tiện, 01 phòng y tế 12 m², 01 phòng bảo vệ 9.89 m², phòng nghỉ nhân viên 54.4 m². Cả 02 cơ sở đều có khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khu để xe của trường. [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có khu vực nhà xe cho giáo viên, nhân viên được trang bị mái che bằng tôn, đảm bảo an toàn và thuận tiện [H1-1.4-06]; [H3-3.1-01].

Mức 3:

Nhà trường có đủ phòng các phòng theo quy định.

2. Điểm mạnh

Diện tích phòng học đảm bảo cho số lượng trẻ. Các phòng làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng làm việc theo quy định.

2. Điểm yếu

Phòng họp được cải tạo từ phòng học do vậy bố trí bàn, ghế họp cũng chưa được thuận tiện,

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2023 Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị bàn, ghế họp cho phù hợp với diện tích phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố tại lầu 03 của cơ sở 01, diện tích 83.5 m² vận hành theo quy trình bếp một chiều, đồ dùng nhà bếp đầy đủ đảm bảo vệ sinh an toàn, có tủ lưu nghiệm được bảo quản an toàn [H1-1.4-06]; có ký kết hợp đồng trách nhiệm với các công ty cung cấp thực phẩm có uy tín [H3-3.4-01].

b) Có kho thực phẩm diện tích 30.3m² chia thành 02 kho thực phẩm khô và vệ sinh phí, một góc kho hiện bị thâm ảnh hưởng đến bảo quản thực phẩm [H1-1.5-02]; [H3-3.1-01].

c) Tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn được đặt tại bếp đảm bảo an toàn. Có đầy đủ các hộp lưu nghiệm hàng ngày [H1-1.4-06]; [H3-3.4-02].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non về diện tích, theo quy trình bếp một chiều, thiết bị đồ dùng đầy đủ theo quy định, thuận tiện cho nhân viên cấp dưỡng thao tác. Trong nhà bếp có các bảng biểu như: Bảng tiếp phẩm, bảng phân chia thực phẩm, phân chia thức ăn, nội quy, thực đơn tuần; bếp ăn được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng bằng inox thuận tiện cho công tác bán trú [H1-1.4-06]; [H1-1.5-02]; [H3-3.1-01].

Mức 3:

Bếp ăn của nhà trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT [H1-1.5-02]; [H1-1.10-02]; [H3-3.1-01]. Bếp ăn thiết kế theo quy trình một chiều hợp vệ sinh, khu sơ chế và chế biến thực phẩm đủ ánh sáng, thông thoáng, ngăn cách với khu vực nấu ăn, phân chia thức ăn, khu vực rửa chén, khu chia thức ăn thuận tiện cho khâu vận chuyển thức ăn bằng thang máy đến các lớp học. Có đầy đủ các bàn, ghế, dụng cụ nhà bếp, inox hóa, thuận

tiện cho việc vệ sinh khử khuẩn. Có phương tiện bảo quản thực phẩm. Có hệ thống cung cấp nước sạch và bồn rửa tay trong bếp. Thực hiện tốt việc phân loại rác thải. Trần bếp bị bong, sàn rửa bị đọng nước, cửa bếp chưa có lưới chống côn trùng [H1-1.4-06]; [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố và tổ chức theo quy trình một chiều; có kho để thực phẩm trong ngày riêng biệt, thức ăn lưu của các bữa ăn được sắp xếp trong tủ lạnh và có ký hiệu riêng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Chưa có lưới chống côn trùng tại các cửa sổ và cửa ra vào. Trần bếp bị bong tróc, sàn rửa còn bị đọng nước.

Góc kho thực phẩm bị thâm ảnh hưởng lưu thức ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 – 2024 Hiệu trưởng thực hiện kế hoạch cải tạo trần bếp. Thực hiện gắn cửa lưới cho cửa ra vào để chống côn trùng, Cân đối kinh phí hoạt động thực hiện chống thấm kho thực phẩm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị cho 09 nhóm, lớp đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục đồ chơi 3141/TT-BGDĐT ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.2-01]; các lớp được trang bị màn hình LCD, 09 máy vi tính nối mạng nội bộ để theo dõi kế hoạch, trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em quy định tại [H1-1.4-06]; [H3-3.5-01].

b) Các lớp học đều có đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục do giáo viên tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn phù hợp với từng độ tuổi. Đồ chơi tự làm chưa đảm bảo độ bền [H3-3.5-02].

c) Vào cuối học kỳ một và cuối năm học Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục chỉ đạo giáo viên kiểm kê tài sản để làm tốt công tác bảo quản và có kế hoạch dự trù mua sắm đồ dùng, trang thiết bị [H1-1.4-06]; [H3-3.5-01].

Mức 2:

a) 03/03 máy của cán bộ quản lý và 9/9 máy của các nhóm, lớp được trang bị máy tính kết nối Internet, có mạng nội bộ để quản lý kiểm tra kế hoạch của giáo viên. Các trang thiết bị được giáo viên sử dụng hiệu quả như soạn giảng bằng phần mềm Mindjet Mindmanager để thực hiện chương trình giáo dục mầm non [H1-1.4-06]; [H3-3.2-01].

b) Có đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định: Máy tính, ti vi, bảng tương tác, đàn organ, tranh ảnh, đồ dùng của để phát triển lĩnh vực thể chất: băng ghế, bục, bóng... đồ dùng phát triển ngôn ngữ, nhận thức, quan hệ tình cảm xã hội: Tranh ảnh, đồ chơi, thẻ từ... [H3-3.2-01]. Giáo viên tự làm đồ dùng đồ chơi theo từng chuyên đề: Chuyên đề đổi mới hoạt động tạo hình giáo viên làm

thêm các tranh nghệ thuật, chuyên đề sử dụng sản phẩm của trẻ vào hoạt động và xây dựng môi trường, giáo viên tạo cơ hội cho trẻ làm đồ chơi phục vụ các giờ học và bổ sung vào các góc chơi của trẻ...[H1-1.8-03]; [H3-3.5-02].

c) Hằng năm nhà trường tổ chức cho giáo viên thi làm đồ chơi, làm đồ dùng dạy học phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục. Đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục chưa phong phú, đa dạng và chưa đảm bảo độ bền khi sử dụng [H3-3.5-02].

Mức 3:

Giáo viên sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm vào hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ: Sử dụng các tranh ảnh nghệ thuật vào giờ học lĩnh vực phát triển thẩm mỹ, làm các bài tập trò chơi nhận biết các biểu tượng toán trên giấy bìa cứng [H3-3.5-02]... Giáo viên tích cực sử dụng đồ chơi tự làm vào giờ học của trẻ. Với giờ chơi và các giờ sinh hoạt khác số lượng đồ chơi chưa phong phú, có trò chơi chưa đáp ứng theo khả năng phát triển của trẻ. [H1-1.1-04]; [H1-1.8-03]; [H3-3.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo danh mục; đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, có kiểm tra cơ sở vật chất hằng năm để kịp thời sửa chữa và bổ sung trang thiết bị.

3. Điểm yếu

Đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục chưa phong phú, đa dạng; thiết bị, đồ chơi chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả trong giờ vui chơi và giờ sinh hoạt khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cho đội ngũ về cách làm đồ dùng đồ chơi bằng các nguyên vật liệu mở. Hiệu trưởng chỉ đạo 02 Phó hiệu trưởng rà soát lại cơ sở vật chất, trang thiết bị và lên dự trù bổ sung trong từng năm. Chuyên môn và ban trú sẽ tập trung kiểm tra đồ dùng, đồ chơi hàng tuần

để định hướng kịp thời cho giáo viên trong công tác làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 09 phòng học và 03 phòng chức năng tại 02 cơ sở đều có nhà vệ sinh cho trẻ. Cơ sở 01 có 07 nhà vệ sinh cho giáo viên tại các lớp, 02 nhà vệ sinh cho giáo viên ở phòng chức năng, 02 nhà vệ sinh chung cho cán bộ, nhân viên. Cơ sở 02 có 03 nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Các nhà vệ sinh đều đảm bảo yêu cầu và thuận tiện cho việc sử dụng. Nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-01]; [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có 02 nguồn nước sạch đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ. Nguồn nước máy của công ty cấp nước Thành phố được xét nghiệm vi sinh, và nguồn nước từ giếng khoan được nhà trường xét nghiệm lý - hóa, công suất máy bơm nước chưa đáp ứng với nhu cầu sử dụng nước ảnh hưởng đến nhu cầu sinh hoạt [H1-1.10-02]. Hợp đồng với công ty nước uống

Sapuwa đảm bảo nguồn nước sạch cho trẻ uống. Cả 02 cơ sở của trường có hệ thống thoát nước cống rãnh tốt, hợp vệ sinh [H3-3.1-01].

c) Nhà trường hợp đồng với công ty Dịch vụ công ích của quận Gò Vấp để thực hiện thu gom rác. Thực hiện tốt phân loại rác để đảm bảo vệ sinh môi trường trong nhà trường. Rác thải sinh hoạt thực hiện thu gom hàng ngày. Rác thải từ đồ dùng học cụ của trẻ chưa được gom kịp thời, do không nằm trong nội dung hợp đồng rác thải sinh hoạt [H3-3.4-01].

Mức 2:

a) Nhà vệ sinh cho trẻ của ở cơ sở 01 có diện tích bình quân là 15.5 m². Mỗi nhà vệ sinh của trẻ có 04 bồn tiểu nữ, 02 bồn tiểu nam, bồn tiểu nam nữ đều có vách ngăn, mỗi nhà vệ sinh có 04 lavabo rửa tay. Nhóm nhà trẻ có máy nước nóng để phục vụ công tác vệ sinh cá nhân trẻ. Nhà vệ sinh cho trẻ của ở cơ sở 02 có diện tích bình quân là 13m². Một lớp có 02 nhà vệ sinh, mỗi nhà vệ sinh có 02 bồn tiểu nam, nhà vệ sinh nữ có 03 bồn tiểu nữ, có 03 lavabo rửa tay, được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho việc trẻ sử dụng và quan sát của giáo viên. Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan, vừa đủ để sử dụng theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.6-01].

b) Hệ thống thoát nước theo quy định, không có nước ứ đọng xung quanh nhà trường. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, cho khu vệ sinh [H3-3.1-01]. Rác thải được phân loại tại bếp ăn, các lớp, tập trung tại thùng rác dưới sân trường và rác thải được xử lý hàng ngày [H3-3.4-01]. Hệ thống cung cấp nước sạch bằng hệ thống nước máy của công ty [H1-1.10-02].

2. Điểm mạnh

Phòng vệ sinh cho trẻ có đủ các bồn tiểu cho bé trai, bé gái, số lượng lavabo đủ cho số lượng trẻ trong lớp. Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Có đủ nguồn nước sạch, hệ thống cống rãnh được xử lý tốt, hợp vệ sinh.

3. Điểm yếu

Công suất máy bơm nước chưa đáp ứng với nhu cầu sử dụng nước ảnh hưởng đến nhu cầu sinh hoạt. Rác thải từ đồ dùng học cụ của trẻ chưa được gom kịp thời trong ngày, do không nằm trong nội dung hợp đồng rác thải sinh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện ký và hợp đồng với công ty thu gom rác, thương thảo rõ các điều khoản để rác thải từ các đồ dùng đồ chơi hư hỏng được thu dọn kịp thời. Có kế hoạch trang bị máy bơm công suất cao để đảm bảo nước sinh hoạt hàng ngày.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh cơ bản

Nhà trường được xây dựng kiên cố, khuôn viên rộng rãi, đảm bảo an toàn. Sân chơi có đủ đồ chơi ngoài trời cho trẻ và có vườn rau cho trẻ. Phòng học diện tích đáp ứng theo quy định, thoáng mát, có hệ thống quạt trần, tường, máy lạnh. Phòng vệ sinh đáp ứng theo quy định về diện tích và về số lượng bồn tiêu, lavabo cho trẻ. Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Có đủ nguồn nước sạch, hệ thống cống rãnh được xử lý tốt, hợp vệ sinh. Bếp ăn được xây dựng kiên cố và tổ chức theo quy trình một chiều. Có kho để thực phẩm trong ngày riêng biệt. Trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi đầy đủ theo danh mục quy định, đảm bảo an toàn.

Điểm yếu cơ bản

Diện tích xây dựng công trình vượt quá quy định.

Nhà bếp chưa có lưới chống côn trùng tại các ra vào, trần bị bông tróc, sàn rửa đọng nước. Kho thực phẩm bị thấm.

Đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục chưa đa dạng; thiết bị, đồ chơi chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả trong giờ vui chơi và giờ sinh hoạt khác.

Công suất máy bơm nước chưa đáp ứng với nhu cầu sử dụng nước ảnh hưởng đến nhu cầu sinh hoạt. Rác thải từ đồ dùng học cụ của trẻ chưa được gom kịp thời trong ngày, do không nằm trong nội dung hợp đồng rác thải sinh hoạt.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Để hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, ngoài sự phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường còn có sự đóng góp về vật chất, tinh thần của cha mẹ trẻ và các ban ngành đoàn thể, các lực lượng xã hội. Thông qua Ban đại diện cha mẹ trẻ các nhóm lớp, nhà trường tiến hành tổ chức bầu Ban đại diện cha mẹ trẻ toàn trường. Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường, lớp hoạt động theo Điều lệ ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm thống nhất kế hoạch hoạt động hằng năm, hỗ trợ thực hiện công trình của trẻ nhằm góp sức cùng nhà trường hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ trong từng năm học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ .

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức họp cha mẹ trẻ đầu năm và bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ của 09 lớp. Sau đại hội đã bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ toàn trường gồm: 01 trưởng ban và 01 phó ban, 01 thư ký và 15 thành viên, tổ chức hoạt động theo đúng Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường phối hợp với Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động Ban đại diện cha mẹ trẻ trong năm học; phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học; phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ; giúp đỡ trẻ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn khác... Ban đại diện cha mẹ trẻ của lớp phối hợp với giáo viên xây dựng kế hoạch năm và có các biện pháp phối hợp trong quá trình thực hiện. Có 06 thành viên của Ban đại diện do tính chất công việc nên có đôi lúc chưa tham gia đóng góp cho bản kế hoạch của Ban đại diện [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức họp, triển khai kế hoạch vào đầu năm học, thực hiện đánh giá kế hoạch và báo cáo vào học kỳ I và cuối năm [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

Mức 2:

Những năm qua, Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp rất tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ, trong công tác xã hội hoá giáo dục đạt hiệu quả cao, thực hiện công khai rõ ràng minh bạch [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ. Tuyên truyền về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, trong việc thực hiện các nhiệm

vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ (phối hợp với giáo viên trong công tác nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chuẩn bị nội dung các cuộc họp, thực hiện các cuộc vận động trong nhà trường, thực hiện tổ chức các hoạt động lễ hội theo kế hoạch của Ban đại diện cha mẹ trẻ), kịp thời giải đáp những thắc mắc, ý kiến xây dựng đóng góp để nhà trường kịp thời điều chỉnh những thiếu sót, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Không để xảy ra trường hợp phản ánh, khiếu nại, tố cáo [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

3. Điểm mạnh

Trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo đúng quy định, phối hợp tốt trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và thực hiện theo tiến độ.

4. Điểm yếu

Có 07 thành viên trong Ban đại diện chưa tham gia đóng góp ý kiến cho bản kế hoạch của Ban đại diện cha mẹ trẻ.

5. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng tiếp tục duy trì hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong công tác phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ. Thường xuyên tuyên truyền với cha mẹ trẻ bằng nhiều hình thức như: Bảng tin, phát thanh, hội thảo, tư vấn, sổ liên lạc, điện thoại, trang web, thư viện điện tử, trực tiếp qua giờ đón trả trẻ để 100% cha mẹ trẻ có ý thức cùng phối hợp tốt với nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, với Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp đầu tư cơ sở vật chất [H4-4.2-01]. Tham mưu với Ủy ban nhân dân Phường 1 thông qua các buổi sinh hoạt giao ban Đảng ủy mở rộng để đảm bảo an toàn giao thông trước cổng trường và công tác tuyển sinh,... nhằm đem lại hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục trẻ. Nhà trường chưa làm tốt công tác tham mưu về tình trạng xe ô tô đậu gây cản trở giao thông ngoài giờ đón - trả trẻ trước cổng trường [H1-1.1-03].

b) Nhà trường phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường với Ban đại diện cha mẹ trẻ [H4-4.1-01], với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương thông qua tuyên truyền phát thanh giờ đón, trả trẻ; niêm yết văn bản tại bảng tin trường; đưa thông tin lên trang Web của đơn vị [H1-1.1-02].

c) Nhà trường đã vận động được cha mẹ trẻ hỗ trợ cây xanh, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ hoạt động của trẻ: Các đồ dùng cho tiệc buffet phục vụ chuyên đề đổi mới tổ chức bữa ăn; máy lạnh cho lớp... Các trang thiết bị đã đưa

vào sử dụng đúng quy định, có công khai trong hội đồng nhà trường và Ban đại diện cha mẹ trẻ [H4-4.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các vấn đề: Đề cử nhân sự thành viên đại diện phường tham dự Hội đồng trường, thực hiện an toàn trường học, đảm bảo về cơ sở vật chất, tuyển dụng nhân sự... để tạo điều kiện cho nhà trường xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-03].

b) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Phường 1: Tham gia các tiết mục văn nghệ mừng Đảng mừng xuân, vận động các quỹ vì biển đảo quê hương, thăm địa chỉ đỏ, về nguồn, vẽ tranh trên các tuyến đường cổ động phong trào bảo vệ môi trường, xé các giấy quảng cáo trên cột điện [H1-1.1-03], [H1-1.3-02]... Phối hợp với Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp vận động công đoàn viên nhà trường thực hiện góc bếp yêu thương, chăm lo cho công đoàn viên vui tết, tham gia thi tìm hiểu pháp Luật [H1-1.3-01]; [H4-4.2-02]... Phối hợp với công an Phường 1 thực hiện an toàn trường học [H1-1.10-01].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 1, Công an khu vực, Dân quân tự vệ, Hội khuyến học Phường 1 nhằm thực hiện tốt nếp sống văn minh, môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn giao thông, an ninh trật tự nơi làm việc [H1-1.10-01], học tập gắn với quy chế văn hóa công sở đối với viên chức; chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước [H4-4.2-03]. Tuy nhiên, nhà trường chưa thật sự là trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chủ động trong công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng về công tác tuyển sinh, đầu tư cơ sở vật chất. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể trong các hoạt động phù hợp tình hình địa phương.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa làm tốt công tác tham mưu về tình trạng xe ô tô đậu gây cản trở giao thông ngoài giờ đón - trả trẻ trước cổng trường.

Nhà trường chưa thật sự là trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2023 Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp. Tham mưu với Ủy ban nhân dân phường 1 gắn biển báo cấm đậu xe, có biện pháp phối hợp với Dân quân tự vệ của phường và Công an khu vực kiểm tra, hạn chế tình trạng đậu xe trước cổng trường. Rà soát kế hoạch đơn vị đạt chuẩn văn hóa giai đoạn 2020 - 2025 để cụ thể hóa các nội dung vào kế hoạch năm học 2023 - 2024.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh cơ bản

Trường Mầm non Hoa Quỳnh thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ. Nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng quy định, Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp tốt với nhà trường và giáo viên các lớp trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Ban đại diện trường, lớp có kế hoạch hoạt động cụ thể và thực hiện đảm bảo tiến độ. Nhà trường luôn chủ động trong công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương về công tác tuyển sinh, đầu tư cơ sở vật chất. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể trong các hoạt động phù hợp tình hình địa phương.

Điểm yếu cơ bản

Có 06 thành viên của Ban đại diện chưa tham gia đóng góp cho bản kế hoạch của Ban đại diện.

Nhà trường chưa làm tốt công tác tham mưu về tình trạng xe ô tô đậu gây cản trở giao thông ngoài giờ đón - trả trẻ trước cổng trường.

Nhà trường chưa thật sự là trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non là nền tảng cho các bậc học tiếp theo. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non là yếu tố đầu tiên, quan trọng để hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nắm vững chương trình giáo dục theo văn bản hợp nhất số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 về Thông tư Ban hành chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện bồi dưỡng cho đội ngũ nắm vững chương trình theo từng lứa tuổi, hướng dẫn cho giáo viên dự kiến nội dung đưa vào giờ học, giờ học chủ đề, giờ sinh hoạt cho phù hợp từng lứa tuổi, phù hợp với từng nhóm và thực hiện kế hoạch trên phần mềm Mindjet MindManager. Từ dự kiến chương trình năm các lớp thực hiện triển khai vào từng tháng cho phù hợp với điều kiện của lớp. Thực hiện ghi nhận các nội dung thực hiện từng ngày để giám sát việc thực hiện chương trình giáo dục. Cán bộ quản lý thực hiện kiểm tra ghi nhận việc thực hiện kế hoạch năm, tháng, tuần của giáo viên để giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời. Việc góp ý cho đội ngũ nhiều nội dung chưa ghi nhận vào kế hoạch [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

b) Nhà trường phát triển chương trình ở lĩnh vực phát triển thể chất, lĩnh vực tình cảm và kỹ năng xã hội ở lứa tuổi nhà trẻ 19 - 24 tháng; 25 - 36 tháng và tất cả các lứa tuổi mẫu giáo. Thực hiện quy ước cách ghi nhận những nội dung phát triển giúp cho quản lý và giáo viên dễ dàng nắm bắt được các nội dung phát triển [H1-1.4-08]. 100% giáo viên nắm được tinh thần chỉ đạo trong việc xây dựng kế hoạch, thực hiện các nội dung phát triển chương trình [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.4-09]. Đối chiếu mục đích yêu cầu tổ chức hoạt động với các nội dung dự kiến năm và tháng của giáo viên để góp ý, điều chỉnh cho phù hợp. Chỉ đạo khối trưởng kiểm tra kế hoạch của các tổ viên định kỳ 01 tháng 01 lần [H1-1.4-03]; Trong quá trình ghi nhận giáo viên vẫn còn sót nội dung chương trình, việc lựa chọn nội dung đưa vào các thời điểm sinh hoạt còn chưa hợp lý, tính hệ thống các nội dung từ năm sang tháng, sang tuần còn chưa đảm bảo theo yêu cầu [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

a) Chương trình giáo dục được giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy... giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia hoạt động. Trong quá trình tổ chức thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ có 05 giáo viên chưa đảm bảo chất lượng Chương trình giáo dục mầm non, chưa phù hợp thực tế của đơn vị, khả năng và nhu cầu của trẻ, thiếu sự linh hoạt trong tổ chức hoạt động [H1-1.4-09]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-02].

b) Hằng tháng, Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn giáo viên điều chỉnh và phát triển nội dung Chương trình giáo dục mầm non phù hợp điều kiện của trường, lớp và khả năng của trẻ. Ngoài ra nhà trường còn khuyến khích giáo viên đăng ký tham gia nội dung phát triển chương trình phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ để cùng học tập rút kinh nghiệm [H1-1.4-03]; [H1-1.4-08].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, tuy nhiên chưa có sự tham khảo Chương trình Giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.1-04].

b) Định kỳ, các buổi họp tổ, họp chuyên môn, họp hội đồng sư phạm, sơ kết học kỳ I và tổng kết cuối năm học, cán bộ quản lý tổ chức đánh giá thực hiện Chương trình giáo dục của giáo viên; tuy nhiên việc đánh giá Chương trình giáo dục được lồng ghép với đánh giá các hoạt động khác nên hiệu quả việc đánh giá thực hiện Chương trình giáo dục còn hạn chế [H1-1.1-04]; [H1-1.1-06]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo đầy đủ nội dung và đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Tích cực bồi dưỡng giáo viên để nâng cao chất lượng thực hiện chương trình.

3. Điểm yếu

Có 04 giáo viên còn hạn chế trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Việc phát triển chương trình giáo dục chưa có sự tham khảo với các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 11 năm 2023 Hiệu trưởng phân công từng tổ khối kiểm tra, góp ý kế hoạch của các lớp hàng tuần để điều chỉnh kịp thời. Các nội dung góp ý phải được ghi nhận và đính kèm vào kế hoạch của giáo viên trên phần mềm Mindjet MindManager. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ khối trưởng trong việc góp ý kế hoạch cho các tổ viên trong khối. Cán bộ quản lý nghiên cứu các chương trình của nước ngoài để bồi dưỡng cho đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên dựa vào Chương trình khung của từng lứa tuổi, Bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi để lựa chọn ra mục tiêu, nội dung giáo dục cho phù hợp với trẻ. Xây dựng giáo án với các hoạt động, phương pháp phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ ở lớp. Giáo viên sử dụng các phương pháp thực hành, trải nghiệm, thao tác với đồ vật, sử dụng trò chơi, nêu tình huống có vấn đề, minh họa, dùng lời, nêu gương... một cách linh hoạt. Qua đó, giúp trẻ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển những kỹ năng sống cần thiết phù hợp lứa tuổi, điều kiện nhà trường [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09]; [H5-5.2-01].

b) Giáo viên thực hiện chuyên đề Xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức hoạt động học tập cho trẻ bằng hình thức chơi mà học, học bằng chơi; tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm thực tế thông qua hoạt động tham quan dã ngoại, bé tập làm nội trợ, chăm sóc cây trồng. Giáo viên nghiên cứu, lựa chọn những đề tài, nội dung nhằm đảm bảo môi trường hoạt động an toàn cho trẻ cả về thể chất lẫn tinh thần [H5-5.1-01]. Trẻ tham gia hoạt động tích cực, hứng thú, mang lại hiệu quả giáo dục cao [H1-1.4-09]; [H5-5.1-01]; [H5-5.2-02].

c) Việc tổ chức các hoạt động giáo dục được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của từng nhóm lớp như: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, hoạt động cả lớp, tổ chức hoạt động học ở ngoài sân trường, sử dụng nhiều đồ dùng dạy học... phù hợp với sự phát triển của trẻ qua đó kích thích sự hứng thú tích cực của trẻ trong học tập và giúp trẻ tiếp thu tốt kiến thức, hoàn chỉnh các kỹ năng [H1-1.4-09]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

Các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh được nhà trường tổ chức thực hiện phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Tổ chức cho trẻ học vẽ tại sân trường, hoạt động thể dục ở sân cỏ nhân tạo, khám phá các con côn trùng ngoài vườn

cây, khám phá một số loại rau, hoa tại vườn rau của bé... [H1-1.4-09]; [H1-1.8-01]. 02 giáo viên trẻ khi tổ chức hoạt động chưa dành thời gian cho trẻ suy nghĩ trả lời, câu hỏi còn chưa mang tính gợi mở, kích thích hứng thú để trẻ tích cực tham gia hoạt động [H1-1.4-09]; [H1-1.8-01]; [H5-5.2-02].

Mức 3:

Nhà trường chú trọng việc thiết kế, xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích trẻ tìm hiểu khám phá, tạo cơ hội cho trẻ được tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm qua “chơi mà học, học bằng chơi” đã đem lại hiệu quả đáp ứng khả năng nhu cầu vui chơi, trải nghiệm, khám phá của trẻ. Giáo viên chưa thường xuyên sử dụng sản phẩm của trẻ trong việc thiết kế xây dựng môi trường [H1-1.4-09]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Giáo viên lập kế hoạch phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ tại lớp và điều kiện nhà trường. Lựa chọn các đề tài, thiết kế, tổ chức các hoạt động học tập lấy trẻ làm trung tâm mang lại hiệu quả giáo dục.

3. Điểm yếu

Còn 02 giáo viên trẻ ít kinh nghiệm khi tổ chức hoạt động chưa dành thời gian cho trẻ suy nghĩ trả lời câu hỏi. Giáo viên chưa thường xuyên sử dụng sản phẩm của trẻ trong việc thiết kế xây dựng môi trường hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục chỉ đạo giáo viên duy trì tốt các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ, bồi dưỡng xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Chỉ đạo giáo viên bám sát chuyên đề “sử dụng sản phẩm trẻ trong xây dựng môi trường và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ” để có kế hoạch tổ chức đa dạng các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường, giáo viên tận dụng sản phẩm của trẻ để thiết kế trò chơi, xây dựng môi trường nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia các hoạt động. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục

tăng cường dự giờ bồi dưỡng 04 giáo viên còn hạn chế trong việc tổ chức hoạt động cho trẻ.

6. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường cử nhân viên phụ trách công tác y tế trường học phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Tuyên truyền, hướng dẫn trẻ cách rửa tay phòng bệnh tay - chân - miệng; phối hợp với Trạm y tế Phường 1 tổ chức khám sức khỏe cho trẻ định kỳ

01 lần/năm, tẩy giun, uống Vitamin A và tiêm chủng theo quy định [H1-1.10-02]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Hằng năm nhà trường có 100% trẻ em được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và được theo dõi bằng sổ khám sức khỏe, biểu đồ tăng trưởng theo quy định (hàng tháng đối với trẻ nhà trẻ và hàng quý đối với trẻ mẫu giáo [H1-1.10-02]; [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04].

c) Vào đầu năm học hàng năm, nhà trường tổ chức cân đo và phân loại tình trạng dinh dưỡng trẻ: suy dinh dưỡng nhẹ cân 03 trẻ, suy dinh dưỡng thấp còi 04 trẻ, Suy dinh dưỡng thể mãn 6, béo phì 33 trẻ. Nhà trường xây dựng kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì và tổ chức thực hiện trong suốt năm học. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp: Thực đơn phù hợp với lứa tuổi, có chế độ ăn thêm cho trẻ suy dinh dưỡng hằng ngày. Bên cạnh đó, nhà trường có nhiều biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ thừa cân, béo phì như: Tăng cường cho trẻ vận động vào giờ thể dục sáng, hoạt động giữa giờ, thực hiện cho trẻ ăn thêm rau, giảm tinh bột. Kết quả cuối năm học suy dinh dưỡng thấp cân giảm 3/3 bé - Tỷ lệ: 100%, suy dinh dưỡng thấp còi giảm 4/4 bé - Tỷ lệ : 100%, suy dinh dưỡng thể mãn giảm 6/6 tỷ lệ 100%. Béo phì giảm 28/33 tỷ lệ 84.8% [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04].

Mức 2:

a) Nhà trường phối hợp tư vấn, tuyên truyền, trao đổi thường xuyên với cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em thông qua sổ liên lạc, sổ bé ngoan, trao đổi trực tiếp qua giờ đón trả trẻ, qua bảng tuyên truyền của lớp và qua các buổi hội thảo [H5-5.3-05].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại văn bản hợp nhất số: 01/VBNH-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021. Cụ thể như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, số bữa ăn tại trường gồm một bữa chính và một bữa phụ; nước uống; thực đơn được nhà trường xây dựng cân đối giữa

các chất đạm, chất béo, chất bột; thực đơn đa dạng, phong phú theo tuần [H1-1.5-02]. c) Kết quả phục hồi trẻ suy dinh dưỡng suy dinh dưỡng thấp cân giảm 3/3 bé - Tỷ lệ: 100%, suy dinh dưỡng thấp còi giảm 4/4 bé -Tỷ lệ: 100%, suy dinh dưỡng thể mãn giảm 6/6 tỷ lệ 100%. Béo phì giảm 28/33 tỷ lệ 84.8% [H1-1.1-04]; [H5-5.3-04]. Mức 3: Cuối năm học 2022 - 2023 nhà trường có 299/304 trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi đạt tỷ lệ 98.3% trẻ [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường cử nhân viên phụ trách công tác y tế trường học phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ được kiểm tra theo dõi sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

3. Điểm yếu

1 số bài tập và trò chơi vận động cho trẻ thừa cân béo phì chưa đa dạng, phong phú về hình thức thực hiện

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 12 năm 2023 Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tiếp tục chỉ đạo giáo viên duy trì biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ: Tham khảo, cập nhật các thực đơn đa dạng phong phú phù hợp với địa phương, theo mùa đảm bảo cân đối khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ. Tăng cường kiểm tra giám sát các hoạt động tập thừa cân béo phì, thực hiện tuyên dương khen thưởng các lớp có tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt việc huy động trẻ lứa tuổi mầm non đến trường, năm học 2022-2023 tỉ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 91%, trẻ dưới 5 tuổi đạt trung bình 85% [H1-1.5-02].

Lứa tuổi	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
19 - 24 tháng	89.5%	88.7%	91.4%	87.5%	84.41%
25 - 36 tháng	91.7%	89.5%	90%	88.9%	85.34%
3 - 4 tuổi	92.6%	92.8%	91.89%	88%	85.2%

4 - 5 tuổi	95.3%	91.5%	91.02%	89 %	86.7%
5 - 6 tuổi	98.1%	97.7%	95.3%	98.6%	91%
Trung bình	93.44%	92.04%	91.9%	90.4%	86,53%

b) Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi. Năm học 2022- 2023 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỉ lệ 100% [H5-5.4-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hoà nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

a) Tỉ lệ chuyên cần trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi đạt 91%, trẻ dưới 5 tuổi tỉ lệ trung bình đạt 85,40%. Trong năm học 2022 - 2023 tỉ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi giảm hơn so với các năm học trước [H5-5.4-01].

b) Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2022 - 2023, 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 3:

a) Đảm bảo 100% tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non trong các năm học [H5-5.4-01].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi năm học 2022 - 2023 giảm so với các năm học trước.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng mục tiêu kế hoạch năm học duy trì tỷ lệ chuyên cần. Tăng cường công tác tuyên truyền phối hợp với phụ huynh cho trẻ đi học đều, Tăng cường công tác chăm sóc phòng bệnh cho trẻ để đảm bảo sức khỏe cho trẻ, góp phần duy trì sĩ số học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh cơ bản

Nhà trường thực hiện tốt chương trình giáo dục trẻ theo từng lứa tuổi. Giáo viên lập kế hoạch phù hợp với mục tiêu, nội dung và khả năng trẻ. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, giúp trẻ đạt những kỹ năng phù hợp với độ tuổi, phù hợp với Chương trình Giáo dục mầm non.

Điểm yếu cơ bản

Có 04 giáo viên còn hạn chế trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. 02 giáo viên trẻ ít kinh nghiệm khi tổ chức hoạt động chưa dành thời gian cho trẻ suy nghĩ trả lời câu hỏi.

Tỉ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi năm học 2022 - 2023 giảm so với các năm học trước.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt

+ Tiêu chí đạt:

Mức 1: 25/25, tỉ lệ: 100%

Mức 2: 18/25, tỉ lệ: 72%

Mức 3: 03/19, tỉ lệ: 16%

+ Tiêu chí không đạt:

Mức 1: 00/25, tỉ lệ: 0%

Mức 2: 07/25, tỉ lệ: 28%

Mức 3: 16/19, tỉ lệ: 84%

- Mức đánh giá của Trường Mầm non Hoa Quỳnh: Mức 1
- Trường Mầm non Hoa Quỳnh đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Gò Vấp, ngày 20 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hạnh

PHẦN IV. PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 - 2025	Ngày 16 tháng 7 năm 2019	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Trang web Trường Mầm non Hoa Quỳnh	Năm 2016 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.1-03]	Hồ sơ chi bộ	Năm 2016 đến năm 2021	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch - Báo cáo tuần, tháng, năm	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

	5	[H1-1.1-05]	Hồ sơ Hội đồng trường	Nhiệm kỳ 2016 - 2021 đến nhiệm kỳ 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.1-06]	Biên bản họp Hội đồng sư phạm	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	7	[H1-1.1-07]	Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ trẻ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng Trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ	Phòng Hiệu trưởng
	8	[H1-1.1-08]	Quyết định thành lập các Hội đồng	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ tuyển sinh	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ giáo viên giỏi	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn

	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ sáng kiến	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ thi đua	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Hồ sơ nghị quyết 03	Từ tháng 4 năm 2018 đến năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ thanh lý tài sản	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Bí thư chi đoàn	Bí thư Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ chữ thập đỏ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng bán trú

	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ khuyến học	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng bán trú
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ tổ chức	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ phân công nhân sự	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ Kế hoạch của Tổ chuyên môn	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn Tổ trưởng tổ chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ Kế hoạch của tổ Văn phòng	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng bán trú Tổ trưởng tổ văn phòng	Tổ trưởng tổ văn phòng

	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2017- 2018 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ quản lý tài sản	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Kế toán
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ bồi dưỡng	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
	8	[H1-1.4-08]	Hồ sơ chuyên đề	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ Kiểm tra nội bộ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ bán trú	Năm học 2016 - 2017	Phó hiệu	Phòng Phó hiệu

				đến 2020 - 2021	trưởng bán trú	trưởng bán trú
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ công văn đến - đi	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ công khai theo Thông tư 36	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ tài chính	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 – 2021 ghi theo năm tài chính	Hiệu trưởng	Kế toán
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Biên bản đề xuất của tổ khối về công tác bồi dưỡng	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Tổ trưởng tổ chuyên môn, văn phòng	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ kế hoạch dự giờ của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng chuyên	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn

					môn, bán trú	
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ Hội nghị Cán bộ Công chức Viên chức	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch chăm sóc giáo dục các lớp	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Giáo viên	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H1-1.8-04]	Bằng khen	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2016 - 2017 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ công tác chính trị tư tưởng	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ quy chế dân chủ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ tiếp dân	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an ninh trật tự	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ y tế	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Y tế
	3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng bán trú
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ an toàn giao thông	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng bán trú
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ phòng, chống tai nạn thương tích	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng bán trú
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2017- 2018 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá viên chức	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ đề án vị trí việc làm	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ nhà đất	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố số: 35512/QĐ-UB ngày 25 tháng 7 năm 1994. Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố số: 73833/QĐ-UB ngày 02 tháng 11 năm 1996.	Ủy ban nhân dân thành phố	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh khuôn viên trường, trang thiết bị đồ chơi	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn, bán trú	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sổ tài sản	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn

Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Sổ theo dõi khách ra vào trường	Năm học 2018 - 2019 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng bán trú
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hợp đồng các công ty	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.4-02]	Phiếu lưu nghiệm	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng Phó hiệu trưởng bán trú
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Dự trù mua sắm sửa chữa	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn, bán trú	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.5-02]	Sổ ghi nhận đồ chơi tự làm của giáo viên	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng Phó hiệu trưởng Bán trú
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

	2	[H4-4.1-02]	Hình ảnh Ban đại diện cha mẹ trẻ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn, bán trú	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ sửa chữa	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ pháp chế	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H4-4.2-03]	Hồ sơ văn hoá	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Đĩa kế hoạch mind các lớp	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.1-02]	Biên bản họp chuyên môn	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn

Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Sổ hợp khối	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.2-02]	Báo cáo của tổ khối trưởng	Năm học 2019 - 2020	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Bảng đĩa phát thanh	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn, bán trú	Phòng Phó hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.3-02]	Biên bản bồi dưỡng bán trú	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng Phó hiệu trưởng Bán trú
	3	[H5-5.3-03]	Biểu đồ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng Phó hiệu trưởng Bán trú
	4	[H5-5.3-04]	Hồ sơ theo dõi trẻ suy dinh dưỡng – thừa cân béo phì	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng Phó hiệu trưởng Bán trú]

	5	[H5-5.3-05]	Hồ sơ tuyên truyền cha mẹ trẻ	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn, bán trú	Y tế
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Hồ sơ phổ cập	Năm học 2016 - 2017 đến 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng Bán trú